TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1699/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27-9-2022
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Bích Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hồng Hương;

2. Bà Lê Thị Nhanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Tây – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Xuân Hồng - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 212/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4392/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11799/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lâm Thị H**, sinh năm: 1958

Địa chỉ: số A (lầu A) đường N, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Thái H1 (Nguyen Hoa T)**, sinh năm: 1955

Quốc tịch: Hoa Kỳ

Địa chỉ: số 1265N Capitol Ave # 155 San Jose CA 95132, Hoa Kỳ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2021 và trong quá trình tố tụng, bà Lâm Thị H - nguyên đơn trình bày:

Năm 2002, qua sự giới thiệu của bạn bè bà H và ông Nguyễn Thái H1 (Nguyen Hoa T) tìm hiểu sau đó tự nguyện kết hôn và đăng ký tại Ủy ban nhân dân Thành phố H (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số vào sổ đăng ký kết hôn 2750, Quyển số 10 ngày 07/9/2004).

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau khoảng 01 tháng thì ông H1 quay về H2 kỳ làm việc; thời gian 03 năm đầu cả hai vẫn thường xuyên liên lạc nhưng sau đó bà không biết được thông tin của chồng, việc tiến hành thủ tục bảo lãnh bà sang Hoa Kỳ định cư ông H1 cũng không thực hiện như đã hứa.

Bà H cho rằng do trước khi kết hôn đã không tìm hiểu kỹ, sau đó vợ chồng không có điều kiện chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H1.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thực hiện việc ủy thác tư pháp sau đó đề nghị Đ tại Hoa Kỳ đăng trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán để thông báo thời gian tổ chức các phiên họp hòa giải nhằm tạo điều kiện cho các bên đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng ông Nguyễn Thái H1 (Nguyen Hoa T) không có mặt.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn - bà Lâm Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như đã nêu trên đồng thời có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn - ông Nguyễn Thái H1 (Nguyen Hoa T) vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa ra xét xử và tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Lâm Thị H và ông Nguyễn Thái H1 (Nguyen Hoa T) là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; bị đơn có nơi cư trú tại Hoa Kỳ nên Tòa

án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã gửi Văn bản về việc Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập tham gia tố tụng cho bị đơn - ông Nguyễn Thái H1 (Nguyen Hoa T) theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 08/02/2022, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận được văn bản của Bộ Tư pháp về việc không thực hiện được ủy thác do không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu ủy thác nên ngày 16/02/2022 Tòa án gửi văn bản đề nghị Đ tại Hoa Kỳ thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự; tuy nhiên, đến ngày mở phiên tòa (lần thứ I, lần thứ II) ông H1 không có mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 22/6/2021, nguyên đơn - bà Lâm Thị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy trong quá trình tố tụng nguyên đơn đã cung cấp lời khai và xác định cụ thể yêu cầu khởi kiện nên việc nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2]. Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số vào sổ đăng ký kết hôn 2750, Quyển số 10 ngày 07/9/2004 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp thì quan hệ hôn nhân giữa bà Lâm Thị H và ông Nguyễn Thái H1 (Nguyen Hoa T) là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của nguyên đơn - bà Lâm Thị H thì ông Nguyễn Thái H1 (Nguyen Hoa T) sinh sống, làm việc ở Hoa Kỳ còn bà ở Việt Nam nên vợ chồng không có điều kiện chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được; bên cạnh đó, bà H đã không còn liên lạc được với ông H1 hơn 10 năm. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã làm thủ tục ủy thác tư pháp đồng thời thông báo cho ông H1 biết yêu cầu ly hôn của bà H và ngày Tòa án sẽ đưa vụ án ra xét xử nhưng không nhận được ý kiến trả lời; điều này cho thấy ông H1 không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân với bà H, như vậy việc hàn gắn là không còn biện pháp. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Lâm Thị H và ông Nguyễn Thái H1 (Nguyen Hoa T) đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nay bà H có yêu cầu ly hôn để ổn định cuộc sống là nguyện vọng chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung, nợ chung và tài sản chung: Bà H khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn - bà Lâm Thị H chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147 và Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn - bà Lâm Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Thái H1 (Nguyen Hoa T).

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lâm Thị H chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2019/0094753 ngày 07/6/2021 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H không phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Lâm Thị H được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Ông Nguyễn Thái H1 (Nguyen Hoa T) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phaạm Thị Hồng Hương **Lê Thị Nhanh**

Đặng Thị Bích Loan